

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo 2
(29/9/2020)

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 05 tháng 11 năm 2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 102/2020/QH4 ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA);

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới” (viết tắt là Đề án) với những nội dung chính sau đây:

I. YÊU CẦU VỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH MỚI

Với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, trong thời gian qua Việt Nam đã tham gia, khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), qua đó đạt được nhiều thành tích nổi bật về phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, cùng với việc thực hiện lộ trình giảm thuế theo các FTA, sức ép cạnh tranh và các biện pháp phi thuế cũng gia tăng, trong đó nổi bật là các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM). Việc cắt giảm thuế theo FTA dẫn đến nhiều hàng hóa nước ngoài gia tăng nhập khẩu đột biến vào Việt Nam, trong đó, một số hàng hóa có dấu hiệu bán phá giá, được trợ cấp đã khiến các doanh nghiệp trong nước phải thu hẹp sản xuất, người lao động giảm thu nhập và thậm chí mất việc làm. Vì vậy, cần đẩy mạnh áp dụng công cụ PVTM để duy trì và thúc đẩy sản xuất trong nước, giữ vững công ăn việc làm của người lao động trước các hành vi bán phá giá, trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu.

Bên cạnh đó, cho đến nay đã có khoảng 200 cuộc điều tra PVTM nhằm vào hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam với kim ngạch bị ảnh hưởng lên tới 12 tỷ đô-la Mỹ, trong đó phần lớn là hàng xuất khẩu chủ lực và hàng hóa thâm dụng lao động, dẫn đến giảm kim ngạch xuất khẩu, doanh nghiệp phải đóng cửa, cắt giảm lao động. Nếu các biện pháp PVTM trước đây chỉ bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thì hiện nay đã được phát triển ngày dưới nhiều hình thức khác nhau. Điều này buộc các cơ quan quản lý phải luôn theo dõi sát tình hình và phối hợp đồng bộ từ trung ương tới địa phương cũng như với doanh nghiệp, hiệp hội xuất khẩu trong quá trình xử lý để đảm bảo mục tiêu xuất khẩu bền vững.

Vì vậy, để thực thi hiệu quả các FTA thế hệ mới, nâng cao năng lực thực thi công tác PVTM một cách tổng thể, toàn diện nhằm hướng tới việc bảo vệ hợp pháp và hợp lý sản xuất và lao động trong nước, nâng cao hiểu biết của các doanh nghiệp, hiệp hội về công cụ PVTM, đồng thời có chiến lược ứng phó hiệu quả với các vụ kiện PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới”.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐỀ ÁN

- Phòng vệ thương mại là lĩnh vực mới, có vai trò ngày càng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy

xuất khẩu và nhập khẩu có chọn lọc. Do đó, cần tiếp tục quan tâm, nâng cao năng lực về PVTM cho các cơ quan quản lý, các ngành, các doanh nghiệp.

- Triển khai đầy đủ, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác PVTM trong bối cảnh Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu bền vững; đồng thời có biện pháp PVTM thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người lao động.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế về PVTM để đảm bảo phù hợp với quy định trong các FTA thế hệ mới và đảm bảo lợi ích của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường năng lực thực thi của các cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan điều tra về PVTM, nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác PVTM.

- Tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng, bảo vệ sản xuất trong nước và người lao động một cách hợp lý, có thời hạn nhằm hỗ trợ sự phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành sản xuất trong nước.

- Đảm bảo lợi ích của Việt Nam trong thương mại quốc tế thông qua các diễn đàn, đối thoại, đàm phán song phương và đa phương về PVTM, đấu tranh với các nước áp dụng biện pháp PVTM đối với Việt Nam có dấu hiệu vi phạm quy định của WTO và cam kết trong các FTA mà Việt Nam là thành viên.

- Tăng cường vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực PVTM nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong lĩnh vực này cũng như thể hiện các quan điểm, lập luận để bảo vệ lợi ích của các ngành hàng xuất khẩu.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

1. Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện các chính sách, quy định pháp luật trong nước về PVTM, trong đó có việc xem xét xây dựng Luật Phòng vệ thương mại để đảm bảo đồng bộ, phù hợp và thống nhất với các cam kết quốc tế, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp.

2. Hoàn thiện thể chế về PVTM thông qua nghiên cứu kinh nghiệm mô hình Cơ quan PVTM của các nước, từ đó hoàn thiện mô hình cơ quan điều tra về PVTM, tăng cường nguồn lực cho công tác PVTM tương ứng với nhu cầu thực tiễn tại Việt Nam.

3. củng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt xử lý các vụ việc PVTM giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương; giữa các cơ quan trong nước và

ngoài nước; giữa các cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội. Hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu hải quan với cơ sở dữ liệu về PVTM để phục vụ công tác điều tra, áp dụng và ứng phó với các vụ việc PVTM.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, đào tạo, phổ biến kiến thức pháp luật và thực tiễn xử lý PVTM của Việt Nam và thế giới cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ luật sư để nâng cao nhận thức, năng lực sử dụng và ứng phó với các vụ kiện PVTM, nâng cao vai trò của luật sư trong nước trong các vụ việc PVTM.

5. Xây dựng chiến lược chủ động sử dụng các công cụ PVTM để bảo vệ hợp lý và hợp pháp ngành sản xuất và người lao động trong nước theo đúng cam kết quốc tế và pháp luật trong nước, cân bằng giữa lợi ích của các ngành sản xuất trong nước và lợi ích người tiêu dùng, đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế xã hội. Lồng ghép các nội dung về PVTM vào các chương trình, chiến lược, chính sách phát triển ngành để bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước, phòng tránh các biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện các Hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực PVTM theo hướng bảo vệ lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Rà soát hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về PVTM, kể cả vấn đề thu, nộp, hoàn thuế, thủ tục khai báo thuế PVTM trên cơ sở so sánh, đối chiếu với các cam kết của WTO, cam kết trong các FTA và thực tiễn công tác thực thi, kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện và xem xét nghiên cứu xây dựng Luật về PVTM.

- Xây dựng báo cáo về mô hình cơ quan PVTM của các nước trên thế giới, từ đó đề xuất giải pháp củng cố cơ cấu, tổ chức bộ máy của Cơ quan PVTM của Việt Nam, đảm bảo số lượng, chất lượng điều tra viên về PVTM đáp ứng nhu cầu thực tiễn, tương xứng với kim ngạch xuất nhập khẩu.

- Củng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt giữa cơ quan chuyên trách về phòng vệ thương mại và các Bộ, ngành; giữa các cơ quan trung ương và địa phương; giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước; giữa các cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội trong quá trình thực thi công tác PVTM, bao gồm việc điều tra, áp dụng biện pháp PVTM đối với hàng hóa nhập khẩu; phòng tránh và ứng phó với các vụ việc điều tra hàng hóa xuất khẩu; đàm phán và đối thoại về PVTM với các nước đối tác; giải quyết tranh chấp liên quan đến lĩnh vực PVTM.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, các chương trình phần mềm phục vụ cho công tác nộp, xử lý hồ sơ, tính toán biên độ bán phá giá, biên độ trợ cấp, biên độ thiệt hại nhằm đảm bảo hiệu quả, chính xác và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quá trình điều tra.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về 05 ngành sản xuất trọng điểm của Việt Nam có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA. Xây dựng cơ chế hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất phân tán liên quan đến lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trong quá trình nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng các biện pháp PVTM hoặc ứng phó với các vụ việc PVTM nước ngoài liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống một cửa liên thông giữa cơ quan về PVTM và cơ quan hải quan trong việc giám sát hàng hóa nhập khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM theo hướng đơn giản, không phát sinh thủ tục hành chính. Xây dựng hệ thống truy cập, kết nối cơ sở dữ liệu hải quan đối với các mặt hàng bị điều tra, áp dụng biện pháp PVTM để theo dõi hiệu quả thực thi, chống lẫn tránh biện pháp PVTM và gian lận thương mại.

- Bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng điều tra áp dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Bộ, ngành, địa phương liên quan lĩnh vực PVTM nhằm nâng cao năng lực về PVTM, tăng cường khả năng hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp PVTM.

- Nâng cao kiến thức, thông tin về việc sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM cho các Hiệp hội, ngành sản xuất và doanh nghiệp trong nước cũng như các cơ quan nghiên cứu, các trường Đại học.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ luật sư, tư vấn pháp lý trong nước để tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội, ngành sản xuất trong nước trong quá trình điều tra, ứng phó và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam.

- Xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan phòng vệ thương mại nước ngoài, nhất là trong khối ASEAN, tạo cơ sở cho các cơ chế đối thoại song phương và đa phương nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về điều tra áp dụng các biện pháp PVTM.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về PVTM đảm bảo phù hợp với các cam kết của WTO và trong các FTA, xem xét ban hành Luật PVTM.

- Hoàn chỉnh cơ cấu, tổ chức bộ máy của cơ quan PVTM của Việt Nam, đảm bảo hiệu quả và chất lượng điều tra, áp dụng và ứng phó hiệu quả với các vụ việc PVTM.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, hoàn thiện, được cập nhật thường xuyên về 10 ngành sản xuất trọng điểm của Việt Nam trong mối tương quan với năng lực cạnh tranh và tình hình thương mại quốc tế. Đảm bảo mục tiêu nội dung PVTM được đưa vào các chương trình, chiến lược, chính sách phát triển các ngành sản xuất trọng điểm để bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước.

- Điện tử hóa các quy trình tiếp nhận, điều tra áp dụng biện pháp PVTM, tính toán biên độ trợ cấp, biên độ bán phá giá và thiệt hại của các ngành sản xuất trong nước.

- Đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm việc liên quan đến lĩnh vực PVTM ở các Bộ ngành, địa phương được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng về PVTM để hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp trong quá trình sử dụng và ứng phó các biện pháp PVTM nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước, doanh nghiệp xuất khẩu.

- Cộng đồng doanh nghiệp trong nước có kiến thức, hiểu biết về việc sử dụng và ứng phó các biện pháp PVTM có liên quan đến Việt Nam để bảo vệ sản xuất trong nước và người lao động.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia có kiến thức chuyên sâu và uy tín quốc tế về phòng vệ thương mại để cử tham gia các tổ chức quốc tế về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

- Tích cực tham gia và đăng cai tổ chức các diễn đàn quốc tế về PVTM để có ý kiến phản biện về chính sách, pháp luật của các nước gây thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam; chủ động tham gia sâu vào quá trình xây dựng, đàm phán các chính sách quốc tế và sửa đổi các quy định của WTO trong lĩnh vực PVTM nhằm bảo vệ lợi ích của nền kinh tế Việt Nam.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện pháp luật, chính sách về PVTM

a) Rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực PVTM, bao gồm cả các quy trình, thủ tục về điều tra, rà soát, áp dụng biện pháp PVTM; quy trình, thủ tục, hồ sơ khai báo, thu, nộp, hoàn thuế PVTM, đánh giá tổng kết thực thi pháp luật về PVTM, từ đó phân tích ưu nhược điểm của các quy định, vướng mắc trong quá trình thực thi.

b) Rà soát cam kết của Việt Nam và các đối tác liên quan đến lĩnh vực PVTM trong các FTA có liên quan đến Việt Nam, đối chiếu với quy định pháp luật hiện hành để chỉnh sửa hoàn thiện cho phù hợp với các cam kết đã ký.

c) Nghiên cứu thay đổi trong chính sách về PVTM của WTO thông qua các cuộc đàm phán trong khuôn khổ WTO và kết quả giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế để xây dựng chính sách PVTM của Việt Nam; nghiên cứu, cập nhật chính sách, pháp luật, xu hướng thay đổi và thực tiễn hoạt động trong công tác PVTM của các nước, đặc biệt là các thành viên WTO thường xuyên sử dụng công cụ PVTM, các đối tác thương mại lớn và các thành viên cùng tham gia FTA với Việt Nam để tham khảo, hướng tới sửa đổi quy định pháp luật trong nước; đồng thời xây dựng chiến lược ứng phó phù hợp cho Việt Nam khi xuất khẩu hàng hóa sang các nước nói trên, bảo đảm quyền lợi của Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết quốc tế.

d) Hoàn thiện pháp luật về PVTM theo hướng xây dựng Luật Phòng vệ thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm bổ sung các khoảng trống pháp lý, đảm bảo đồng bộ, khả thi, hiệu quả, thống nhất với các cam kết quốc tế, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, tuân thủ WTO, phù hợp với xu hướng chung của thế giới trên cơ sở kết quả rà soát pháp luật trong nước, quốc tế và thực tiễn quá trình thực thi.

đ) Xây dựng các quy trình nghiệp vụ phục vụ công tác điều tra, áp dụng, miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM đảm bảo chính xác, khách quan, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn hội nhập.

e) Lồng ghép nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các ngành sản xuất trọng điểm, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội.

2. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực của cơ quan PVTM, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực PVTM

a) Nghiên cứu mô hình cơ quan PVTM của các nước và các bài học kinh nghiệm để đưa ra khuyến nghị về hoàn thiện cơ cấu tổ chức của cơ quan PVTM.

b) Tổng kết thực tiễn hoạt động của cơ quan PVTM, phân tích ưu nhược điểm của mô hình hiện tại, từ đó hoàn thiện mô hình cơ quan PVTM của Việt Nam.

c) Quy định làm rõ vai trò của các cơ quan trong lĩnh vực PVTM, điều tra viên PVTM, trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chịu trách nhiệm thực thi công tác PVTM và các cơ quan phối hợp trong quá trình xử lý các vụ việc PVTM theo hướng chuyên nghiệp (với chuyên môn điều tra,

luật, kế toán, chính sách...) đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về PVTM, tận dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có.

d) Xây dựng tiêu chí xác định các ngành sản xuất trọng điểm, có tác động lớn đến kinh tế xã hội, có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới. Từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, đồng bộ về tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong các ngành này để theo dõi, đánh giá tác động thực tế khi thực thi các FTA, kịp thời bảo vệ sản xuất và lao động trong nước khi phát hiện hàng hóa nhập khẩu bán phá giá, được trợ cấp của nước ngoài.

đ) Xây dựng tiêu chí đánh giá và theo dõi hiệu quả của các biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu cũng như tác động của các biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu, từ đó xây dựng báo cáo định kỳ về tác động của các biện pháp PVTM làm cơ sở triển khai chiến lược áp dụng và ứng phó với các vụ việc PVTM liên quan đến Việt Nam.

e) Tích cực cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiến tới điện tử hóa và số hóa hồ sơ, tài liệu và kỹ thuật tính toán trong lĩnh vực PVTM. Xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong việc tiếp nhận hồ sơ, phân tích để tính toán biên độ bán phá giá, biên độ trợ cấp và phân tích thiệt hại.

g) Xây dựng công thông tin điện tử của cơ quan Phòng vệ thương mại Việt Nam để cập nhật diễn biến các vụ việc PVTM do Việt Nam khởi xướng và do nước ngoài khởi xướng liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận tài liệu công khai của các vụ việc.

3. Xây dựng thể chế, cơ chế phối hợp liên ngành trong việc điều tra, áp dụng, thực thi các biện pháp PVTM

a) Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước (Đại sứ quán, cơ quan Thương vụ) trong việc tìm hiểu thông tin tại thị trường nước sản xuất nhằm phát hiện các trường hợp hàng hóa khi xuất khẩu sang Việt Nam có dấu hiệu được trợ cấp hoặc bán phá giá.

b) Các Bộ, ngành, địa phương tăng cường phối hợp: (i) trong quá trình điều tra, áp dụng, theo dõi thực thi, chống gian lận thương mại và chống lẩn tránh các biện pháp PVTM; (ii) lồng ghép nội dung về thực thi PVTM vào chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các ngành sản xuất trọng điểm, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của trung ương và địa phương.

c) Xây dựng hệ thống một cửa liên thông giữa cơ quan về PVTM và cơ quan hải quan trong việc giám sát hàng hóa nhập khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM theo hướng đơn giản, không phát sinh thủ tục hành chính. Hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu hải quan với cơ sở dữ liệu của cơ quan PVTM đối với hàng hóa nhập khẩu bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp PVTM cũng như hàng hóa xuất khẩu bị nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp PVTM. Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa cơ quan điều tra PVTM và cơ quan hải quan về những vướng mắc phát sinh trong quá trình điều tra, áp dụng, miễn trừ các biện pháp PVTM.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực PVTM

4.1. Đối với cán bộ, công chức, điều tra viên của Cơ quan điều tra về PVTM

a) Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ điều tra PVTM cả về số lượng và chất lượng tương xứng với mức độ công việc và kim ngạch xuất nhập khẩu. Tạo điều kiện tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ điều tra có đủ chuyên môn, trình độ, đạo đức và phẩm chất chính trị.

b) Xây dựng cảm nang hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, phân tích và xử lý các vụ việc PVTM và giải quyết tranh chấp quốc tế trong lĩnh vực PVTM. Tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề nổi bật, vấn đề mới phát sinh trong lĩnh vực PVTM có tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam.

c) Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật, nghiệp vụ điều tra, kế toán, kiểm toán, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan (kể cả đào tạo trực tuyến) cho cán bộ, công chức, điều tra viên của Cơ quan điều tra về PVTM nhằm nâng cao năng lực điều tra, ứng phó và giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan đến các biện pháp PVTM.

d) Đào tạo chuyên sâu cán bộ PVTM thông qua các kênh hợp tác quốc tế, (cử cán bộ thực tập tại các tổ chức quốc tế, văn phòng luật quốc tế, cơ quan PVTM nước ngoài, trường đại học và cơ quan nghiên cứu nước ngoài có liên quan).

đ) Xem xét đề cử cán bộ có đủ năng lực, uy tín để tham gia các tổ chức quốc tế về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM.

4.2. Đối với cán bộ các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực PVTM, bao gồm cả cơ quan trung ương, địa phương và cán bộ thực hiện nhiệm kỳ ở nước ngoài

a) Xây dựng tài liệu phổ biến kiến thức và tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức liên quan đến việc điều tra, xử lý các

vụ việc PVTM, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM của các bộ, ngành, địa phương, cán bộ đi nhiệm kỳ ở nước ngoài trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình từng địa phương, thị trường nước ngoài và các nhóm ngành sản xuất cụ thể.

b) Lòng ghép nội dung đào tạo về PVTM trong các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

4.3. Đối với cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn và đào tạo trực tiếp về kỹ năng sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM cho cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội theo các mức độ từ cơ bản đến chuyên sâu, bao gồm cả hướng dẫn xây dựng bộ hồ sơ yêu cầu điều tra, yêu cầu gia hạn biện pháp, yêu cầu miễn trừ, trả lời bản câu hỏi, chuẩn bị cho thẩm tra tại chỗ, tham vấn công khai, ứng phó với các vụ việc do nước ngoài điều tra với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam... phù hợp với từng FTA và ngành hàng cụ thể.

b) Cơ quan quản lý nhà nước phối hợp với các cơ quan truyền thông, các hiệp hội, ngành sản xuất có kinh nghiệm trong việc sử dụng và ứng phó hiệu quả các biện pháp PVTM để tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm thực tiễn cho các doanh nghiệp, ngành hàng khác.

c) Xây dựng cơ chế hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất phân tán liên quan đến lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trong quá trình nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng các biện pháp PVTM hoặc ứng phó với các vụ việc PVTM nước ngoài liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

4.4. Đối với chuyên gia, luật sư, cơ quan nghiên cứu, trường Đại học

a) Xây dựng tài liệu và tổ chức khóa học cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn về PVTM cho các chuyên gia pháp lý, tư vấn viên về PVTM cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để đảm bảo chất lượng của đội ngũ chuyên gia tư vấn về lĩnh vực PVTM theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn trong nước.

b) Cơ quan phòng vệ thương mại phối hợp với các trường Đại học, cơ quan nghiên cứu xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho giảng viên và sinh viên về biện pháp PVTM nhằm đảm bảo chất lượng, thông tin thực tiễn, cập nhật trong lĩnh vực này.

c) Tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên các trường Đại học có điều kiện thực tập, nghiên cứu thực tế tại Cơ quan điều tra PVTM để nâng cao kiến thức và thông tin thực tiễn, tạo nguồn tuyển dụng.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực PVTM

a) Chủ động xây dựng, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy quan hệ hợp tác chặt chẽ về PVTM trong các tổ chức quốc tế, nhất là trong khối ASEAN, tạo cơ sở cho các cơ chế đối thoại song phương và đa phương nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về điều tra áp dụng các biện pháp PVTM.

b) Xem xét đăng cai tổ chức một số diễn đàn quốc tế về PVTM với sự tham gia của các cơ quan phòng vệ thương mại trên thế giới, WTO và các tổ chức quốc tế, các văn phòng luật sư, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp.

c) Tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế về PVTM để có ý kiến phản biện về chính sách, pháp luật của các nước gây thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam;

d) Chủ động tham gia sâu vào quá trình xây dựng, đàm phán các chính sách quốc tế và sửa đổi các quy định của WTO trong lĩnh vực PVTM nhằm bảo vệ lợi ích của nền kinh tế Việt Nam, đấu tranh với các nước áp dụng biện pháp PVTM đối với Việt Nam có dấu hiệu vi phạm quy định của WTO và cam kết trong các FTA mà Việt Nam là thành viên.

đ) Tăng cường cơ chế đối thoại với các đối tác thương mại lớn, thường xuyên điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với Việt Nam nhằm thúc đẩy trao đổi thông tin, xây dựng cơ chế phối hợp cũng như trình bày các quan điểm, lập luận để bảo vệ lợi ích của các ngành hàng xuất khẩu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung của Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện Đề án; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự toán, phân bổ và giao dự toán kinh phí Đề án từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện Đề án.

c) Nghiên cứu, báo cáo và đề xuất về việc xây dựng Luật Phòng vệ thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành căn cứ trên tình hình thực tiễn nhằm đảm bảo đồng bộ, khả thi, hiệu quả, thống nhất với các cam kết quốc tế.

d) Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quy trình, thủ tục, hồ sơ khai báo, thu, nộp, hoàn thuế PVTM nhằm

đảm bảo hiệu quả thực thi của các biện pháp, chống lẩn tránh thuế và gian lận thương mại.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển cơ quan điều tra và đội ngũ cán bộ điều tra PVTM cả về số lượng và chất lượng tương xứng với mức độ công việc và kim ngạch xuất nhập khẩu.

e) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng hệ thống kết nối cho phép cơ quan PVTM tiếp cận thông tin, dữ liệu hải quan đối với các mặt hàng nhập khẩu bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp PVTM và các mặt hàng xuất khẩu bị nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

g) Định kỳ cung cấp cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Ngoại giao danh sách các ngành sản xuất có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới nhằm xem xét cấp phép đầu tư và phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về các ngành, kịp thời bảo vệ ngành sản xuất và người lao động trong nước.

h) Phối hợp với Bộ Ngoại giao triển khai các hoạt động tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác PVTM để bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam.

i) Phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tổ chức các hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực PVTM.

k) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các hiệp hội ngành hàng tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến, nâng cao kiến thức về PVTM cho cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan trong lĩnh vực PVTM.

l) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để lồng ghép nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các ngành sản xuất trọng điểm, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của trung ương và địa phương.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì việc kết nối để Cơ quan điều tra PVTM Bộ Công Thương tiếp cận, theo dõi thông tin, dữ liệu hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp PVTM cũng như hàng hóa xuất khẩu bị nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

b) Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình nhập khẩu hàng hóa bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp PVTM cũng như hàng hóa xuất khẩu bị nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

c) Chủ trì việc kết nối hệ thống một cửa liên thông giữa cơ quan về PVTM và cơ quan hải quan trong việc giám sát hàng hóa nhập khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM theo hướng đơn giản, không phát sinh thủ tục hành chính.

d) Phối hợp với Bộ Công Thương theo dõi tình hình nhập khẩu của các sản phẩm thuộc danh sách ngành sản xuất có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới.

đ) Định kỳ hàng năm bố trí kinh phí sự nghiệp kinh tế, kinh phí chi thường xuyên trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách do Bộ Công Thương xây dựng và khả năng cân đối ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Bộ Ngoại giao

a) Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở các nước: (i) cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất theo đề nghị của Bộ Công Thương về các chương trình trợ cấp, hỗ trợ ngành sản xuất trong nước mà các đối tác đang áp dụng đối với các sản phẩm thuộc danh sách ngành sản xuất có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới; (ii) cung cấp thông tin về giá bán tại thị trường trong nước của hàng hóa có dấu hiệu bán phá giá sang Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai các hoạt động tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực PVTM.

4. Bộ Tư pháp

a) Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật Phòng vệ thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng chương trình bồi dưỡng, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ pháp lý, luật sư chuyên sâu về lĩnh vực PVTM.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì xây dựng các tiêu chí đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về các ngành nông nghiệp trọng điểm của Việt Nam có khả năng bị thiệt hại do tác động từ các FTA thế hệ mới.

b) Lồng ghép nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp trọng điểm, sử dụng nhiều lao động để tăng cường khả năng áp dụng biện pháp PVTM nhằm bảo vệ sản xuất trong nước.

6. Các Bộ, ngành khác và UBND các tỉnh, thành phố

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện giáo trình, chương trình đào tạo về lĩnh vực phòng vệ thương mại cho giảng

viên, sinh viên khối trường kinh tế, luật, đảm bảo chất lượng và hiệu quả thực tiễn.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Công Thương và các hiệp hội ngành hàng tổ chức các chương trình, hoạt động tuyên truyền phổ biến, nâng cao kiến thức về PVTM cho cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan trong lĩnh vực PVTM.

c) Các Bộ, ngành khác và UBND các tỉnh, thành phố phối hợp với Bộ Công Thương: (i) triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức PVTM cho cán bộ làm công việc có liên quan đến lĩnh vực PVTM; (ii) đưa nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các ngành sản xuất trọng điểm, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của trung ương và địa phương.

7. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các hiệp hội ngành hàng

a) Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án đến các doanh nghiệp liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành thuộc danh sách các ngành sản xuất có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới.

b) Tham gia phối hợp với các bộ, ngành địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hội, hiệp hội thành viên tham gia thực hiện Đề án.

c) Phối hợp với Bộ Công Thương trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PVTM để nâng cao nhận thức của các Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp về lĩnh vực PVTM, chủ động trong sử dụng công cụ PVTM và ứng phó vụ việc PVTM.

d) Đưa nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất của các hiệp hội ngành hàng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề án

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

a) Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn đóng góp, tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

b) Việc lập dự toán, chấp hành dự toán, kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở nội dung Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Bộ Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí

Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, NN, HTQT, PL;
- Lưu: VT, KTTH (2).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2020
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng vệ thương mại				
1	Rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực PVTM, đánh giá tổng kết thực thi pháp luật về PVTM	Báo cáo rà soát và tổng kết	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính	2023-2025
2	Rà soát cam kết của Việt Nam và các đối tác liên quan đến lĩnh vực PVTM trong các FTA, đối chiếu với quy định pháp luật hiện hành để hoàn thiện	Báo cáo rà soát và đề xuất giải pháp	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp, Ngoại giao	2021-2022
3	Nghiên cứu thay đổi trong chính sách về PVTM của WTO; nghiên cứu, cập nhật chính sách, pháp luật và thực tiễn công tác PVTM của các nước để sửa đổi quy định trong nước và xây dựng chiến lược của Việt Nam	Báo cáo nghiên cứu tổng hợp và đề xuất giải pháp	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp, Ngoại giao	2022-2023
4	Nghiên cứu xây dựng Luật Phòng vệ thương mại	Báo cáo đề xuất	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp	2025-2026
5	Xây dựng các quy trình nghiệp vụ phục vụ công tác điều tra, áp dụng, miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM	Quyết định ban hành quy trình nghiệp vụ	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp	2021-2022

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
6	Lồng ghép nội dung về PVTM vào các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành sản xuất trong nước	Chiến lược, kế hoạch ngành	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành	2021-2030
II	Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực của cơ quan PVTM, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực PVTM				
1	Nghiên cứu mô hình cơ quan PVTM của các nước, tổng kết hoạt động mô hình của Việt Nam, đề xuất giải pháp hoàn thiện. Làm rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Việt Nam trong lĩnh vực PVTM	Báo cáo nghiên cứu và đề xuất giải pháp	Bộ Công Thương	Bộ Nội vụ	2023-2025
2	Xây dựng tiêu chí xác định các ngành sản xuất có tác động lớn đến kinh tế xã hội, có khả năng bị thiệt hại trong quá trình thực thi các FTA để xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong các ngành này	Bộ tiêu chí, Danh sách các ngành và cơ sở dữ liệu	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành	2021 - 2030
3	Xây dựng tiêu chí đánh giá và theo dõi hiệu quả của các biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu cũng như tác động của các biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu, từ đó xây dựng báo cáo định kỳ	Bộ tiêu chí và báo cáo đánh giá hàng năm	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2021-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	về tác động của các biện pháp PVTM				
4	- Cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiến tới điện tử hóa và số hóa hồ sơ, tài liệu và kỹ thuật tính toán trong lĩnh vực PVTM. - Xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong việc tiếp nhận hồ sơ, phân tích để tính toán biên độ bán phá giá, biên độ trợ cấp và phân tích thiệt hại.	Phần mềm	Bộ Công Thương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ	2022-2024
5	Xây dựng công thông tin điện tử của cơ quan Phòng vệ thương mại Việt Nam để cập nhật diễn biến các vụ việc PVTM do Việt Nam khởi xướng và do nước ngoài khởi xướng liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận tài liệu công khai của các vụ việc	Cổng thông tin điện tử	Bộ Công Thương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2024-2026
III	Xây dựng thể chế, cơ chế phối hợp liên ngành trong lĩnh vực PVTM				
1	Đẩy mạnh phối hợp giữa cơ quan trong nước và ngoài nước (Đại sứ quán, Thương vụ) trong việc tìm hiểu thông tin tại thị trường nước	Báo cáo định kỳ	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao	2021-2025

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	sản xuất nhằm phát hiện các trường hợp sản phẩm khi xuất khẩu sang Việt Nam có dấu hiệu được trợ cấp hoặc phá giá				
2	Xây dựng hệ thống một cửa liên thông giữa cơ quan về PVTM và cơ quan hải quan trong việc giám sát hàng hóa nhập khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM	Hệ thống một cửa liên thông	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2021-2023
3	Hoàn thiện việc kết nối cơ sở dữ liệu hải quan với cơ sở dữ liệu của cơ quan PVTM đối với hàng hóa nhập khẩu bị Việt Nam điều tra, áp dụng biện pháp PVTM cũng như hàng hóa xuất khẩu bị nước ngoài điều tra, áp dụng biện pháp PVTM	Kết nối cơ sở dữ liệu	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2021-2023
4	Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa cơ quan điều tra PVTM và cơ quan hải quan về những vướng mắc phát sinh trong quá trình điều tra, áp dụng, miễn trừ các biện pháp PVTM	Cơ chế trao đổi thông tin	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2021-2023
IV	Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực PVTM				
	<i>4.1. Đối với cán bộ, công chức, điều tra viên của Cơ quan điều tra về PVTM</i>				

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ điều tra cả về số lượng và chất lượng, có đủ chuyên môn, trình độ, đạo đức và phẩm chất chính trị	Báo cáo nghiên cứu và đề xuất giải pháp	Bộ Công Thương	Bộ Nội vụ	2023-2030
2	Xây dựng cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về PVTM	Cẩm nang cho điều tra viên và báo cáo nghiên cứu	Bộ Công Thương		2023-2030
3	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, điều tra viên của Cơ quan điều tra về PVTM	Khóa đào tạo/Tài liệu giảng dạy	Bộ Công Thương		2021-2030
4	Đào tạo chuyên sâu cán bộ PVTM thông qua cử cán bộ thực tập tại các tổ chức quốc tế, văn phòng luật quốc tế, cơ quan PVTM nước ngoài, trường đại học và cơ quan nghiên cứu nước ngoài có liên quan	Khóa đào tạo	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2030
5	Xem xét đề cử cán bộ có đủ năng lực, uy tín để tham gia các tổ chức quốc tế về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM	Việt Nam có thành viên thuộc các tổ chức giải quyết tranh chấp	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp	2021-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
		trong lĩnh vực PVTM			
4.2. Đối với cán bộ các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực PVTM, bao gồm cả cơ quan trung ương, địa phương và cán bộ thực hiện nhiệm kỳ ở nước ngoài					
1	Xây dựng tài liệu phổ biến kiến thức và tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức liên quan đến việc điều tra, xử lý các vụ việc PVTM, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực PVTM của các bộ, ngành, địa phương, cán bộ đi nhiệm kỳ ở nước ngoài	Khóa đào tạo	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao	2021-2030
2	Lồng ghép nội dung đào tạo về PVTM trong các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm của các bộ, ngành, địa phương	Khóa đào tạo	Các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Công Thương	2021-2030
4.3. Đối với cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội					
1	Xây dựng tài liệu và đào tạo kỹ năng sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM cho cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội theo các mức độ từ cơ bản đến chuyên sâu	Khóa đào tạo và đào tạo tại chỗ	Bộ Công Thương	VCCI, các hiệp hội	2021-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
2	Cơ quan quản lý nhà nước phối hợp với các cơ quan truyền thông, các hiệp hội, ngành sản xuất có kinh nghiệm trong việc sử dụng và ứng phó hiệu quả các biện pháp PVTM để tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm thực tiễn cho các doanh nghiệp, ngành hàng khác	Đào tạo tại chỗ	Bộ Công Thương	VCCI, các hiệp hội	2021-2030
3	Xây dựng cơ chế hỗ trợ, tư vấn doanh nghiệp trong quá trình nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng các biện pháp PVTM hoặc ứng phó với các vụ việc PVTM nước ngoài liên quan đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam	Đào tạo tại chỗ	Bộ Công Thương	VCCI, các hiệp hội	2021-2030
4.4. Đối với chuyên gia, luật sư, cơ quan nghiên cứu, trường Đại học					
1	Xây dựng tài liệu và tổ chức khóa học cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn về PVTM cho các chuyên gia pháp lý, tư vấn viên về PVTM cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Khóa đào tạo	Bộ Công Thương	Bộ Giáo dục và đào tạo	2021-2030
2	- Cơ quan phòng vệ thương mại phối hợp với các trường Đại học, cơ quan nghiên cứu xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy	Tài liệu đào tạo	Bộ Công Thương	Bộ Giáo dục và đào tạo	2021-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	cho giảng viên và sinh viên về biện pháp PVTM. - Tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu thực tế tại Cơ quan điều tra PVTM.			Các trường đại học	
V	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực PVTM				
1	Xây dựng, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy quan hệ hợp tác chặt chẽ về PVTM trong các tổ chức quốc tế, nhất là trong khối ASEAN				
2	Xem xét đăng cai tổ chức một số diễn đàn quốc tế về PVTM	Báo cáo nghiên cứu đề xuất	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao	2022-2025
3	Tham gia các diễn đàn quốc tế về PVTM để có ý kiến phản biện về chính sách, pháp luật của các nước gây thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam	Quyết định cử cán bộ tham gia diễn đàn và Báo cáo kết quả tham gia	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao	2021-2025
4	Tham gia sâu vào quá trình xây dựng, đàm phán các chính sách quốc tế và sửa đổi các quy định của WTO trong lĩnh vực PVTM	Báo cáo đề xuất tham gia đóng góp ý kiến đối với các thảo luận tại WTO	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp	2021-2025

TT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5	Tăng cường cơ chế đối thoại với các đối tác thương mại lớn, thường xuyên điều tra áp dụng biện pháp PVTM đối với Việt Nam	Quyết định thành lập đoàn công tác và Báo cáo kết quả đối thoại	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao	2021-2025